* **ĐAN SÂM**
* **Tên thường gọi:** Ðan sâm, Viểu đan sâm, Vử đan sâm, Vân nam thử vỹ, Huyết sâm, Xích sâm, Huyết căn, Tử đan sâm
* **Tên khoa học:**Salvia miltiorrhiza Bge.
* **Họ:** Hoa môi ( Lamiaceae)
* **Công dụng:**điều kinh, nhức mỏi chân tay, đau khớp, mụn nhọt, phù nề

**1. Mô tả:**

* Cây đan sâm là một cây thuốc quý, dạng cây cỏ, sống lâu năm, cây cao khoảng 30-80cm, thân màu đỏ nâu, đường kính 0,5- 1,5cm. Thân vuông, trên có các gân dọc.
* Lá kép mọc đối, thường gồm 3-7 lá chét; lá chét giữa thường lớn hơn, mép lá chét có răng cưa tù; mặt trên lá chét màu xanh tro, có lông.
* Hoa mọc thành chùm ở đầu cành, dài 10-15cm, với 6 vòng hoa; mỗi vòng 3-10 hoa, thông thường là 5 hoa, màu đỏ tím nhạt. Tràng hoa 2 môi, môi trên cong hình lưỡi liềm, môi dưới xẻ ba thùy; 2 nhị ở môi dưới; bầu có vòi dài.
* Quả nhỏ, dài 3mm, rộng 1,5mm.
* Mùa ra hoa từ tháng 5 đến tháng 8. Mùa quả từ tháng 6-9 hàng năm.

**2. Phân bố thu hái và chế biến:**

Cây được trồng nhiều ở Trung quốc như: An Huy, Sơn Tây, Hà Bắc, Tứ Xuyên, Giang Tô mới được di thực vào nước ta trồng ở Tam Đảo.

Thu hoạch rễ vào mùa đông. Đào rể về rửa sạch đất, cắt bỏ cây và rễ con, phơi hoặc sấy khô.

**3. Bộ phận dùng làm thuốc:**

* Rễ đã phơi hoặc sấy khô (Salvia mitiorrhiza).

**4. Mô tả dược liệu:**

Rễ ngắn, thô, đôi khi ở đầu rễ còn sót lại gốc của thân cây. Rễ hình trụ dài, hơi cong queo, có khi phân nhánh và có rễ con dạng tua nhỏ; dài 10-20 cm, đường kính 0,3-1 cm.

Mặt ngoài màu đỏ nâu hoặc đỏ nâu tối, thô, có vân nhăn dọc. Vỏ rễ già bong ra, thường có màu nâu tía. Chất cứng và giòn, mặt bẻ gẫy không chắc có vết nứt, hoặc hơi phẳng và đặc, phần vỏ màu đỏ nâu và phần gỗ màu vàng xám hoặc màu nâu tía với bó mạch màu trắng vàng, xếp theo hình xuyên tâm.

**5. Bào chế:**

* Đan sâm khô, loại bỏ tạp chất và thân sót lại, rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày, phơi khô để dùng.
* Tửu đan sâm (Chế rượu): Lấy đan sâm đã thái phiến, thêm rượu, trộn đều dược liệu với rượu, đậy kín, để 1 giờ cho ngấm hết rượu, đem sao nhỏ lửa đến khô, lấy ra, để nguội. Cứ 10 kg đan sâm cần 1 lít rượu.

**6. Thành phần hóa học:**

Các dẫn chất có nhóm ceton (tansinon I, tansinon II, tansinon III ) và chất tinh thể màu vàng cryptotanshinon, isocryptotanshinon, methyl-tanshinon. Ngoài ra còn có acid lactic, phenol, vitamin E.

Các hợp chất thân dầu:

Hơn 30 hợp chất diterpen đã được phân lập và nhận dạng từ Đan sâm. Hầu hết đều là các hợp chất diterpen chinon dạng Tanshinon bao gồm Tanshinon I, IIA, IIB, cryptotanshinon và các hợp chất liên quan khác. Trong số này, Tanshinon IIA và cryptotanshinon được nghiên cứu nhiều nhất.

Các hợp chất thân nước:

Acid phenolic là thành phần chính của các hợp chất thân nước từ Đan sâm. Đã phân lập và nhận dạng được 15  hợp chất acid phenolic, bao gồm polyphenolic acid (acid salvianolic) và các hợp chất liên quan (danshensu, protocatechuic aldehyd và protocatechuic acid).

Các thành phần khác:

Ngoài acid phenolic và các hợp chất diterpen, còn phân lập được một số thành phần khác như: baicalin, β-sitosterol, ursolic acid và daucosterol phân lập từ dịch chiết cồn; 5,3’-dihydroxy-7,4’-dimethoxy flavanon phân lập từ dịch chiết ethyl acetat.

**7. Tác dụng dược lý:**

*Tác dụng làm giãn động mạch vành, khiến lưu lượng máu của động mạch vành* tăng rõ, cải thiện chức năng tim, hạn chế nhồi máu cơ tim. Trên thực nghiệm chuột nhắt hay chuột lớn thuốc đều có tác dụng tăng hoặc kéo dài tỷ lệ sống trong điều kiện thiếu oxy.

*Tác dụng hạ huyết áp:* Trên thực nghiệm thỏ gây xơ mỡ mạch, thuốc có tác dụng làm giảm triglicerit của gan và máu.

*Tác dụng kháng khuẩn*, an thần, ức chế sự phát triển của tế bào ung thư trên chuột thực nghiệm.

**8. Vị thuốc đan sâm:**

**Tính vị:** Ðắng và hơi lạnh, không độc.

**Quy kinh:** Tâm, tâm bào và can

**Công năng:** có tác dụng bổ huyết, hoạt huyết, tăng lưu thông máu, trục huyết ứ, kích thích ra kinh, tiêu sưng, giảm đau, thanh tâm, trừ phiền, làm đầu óc thanh thản.

**Tác dụng:**

* Hoạt huyết hóa ứ, lương huyết tiêu ung, dưỡng huyết an thần, thanh nhiệt trừ phiền.
* Sách Danh y biệt lục: ” Dưỡng huyết, khử tâm, phúc kết khí, yêu tích cường ( cứng cột sống), cước tý, trừ phong tà lưu nhiệt, uống lâu có lợi”.
* Sách Nhật hoa tử bản thảo: Dưỡng thần định chí, thông lợi quan mạch. Trị lãnh nhiệt lao, đau nhức khớp, chân tay cử động khó, bài nùng chỉ thống, sinh cơ trưởng nhục, phá ứ huyết, bổ tân sinh huyết an thai, tống tử thai, chỉ huyết băng đới hạ, điều phụ nhân kinh mạch không đều, huyết tà tâm phiền, ác sang giới tiễn, nhọt độc, đơn độc, đau đầu mắt đỏ, ôn nhiệt sinh cuồng”.
* Đan sâm là một vị thuốc còn dùng trong phạm vi nhân dân, để làm thuốc bổ cho phụ nữ, phụ nữ chưa chồng da vàng, ăn uống thất thường, chữa tử cung xuất huyết, kinh nguyệt không đều, đau bụng, các khớp xương sưng đau. Còn dùng chế thuốc xoa bóp. Liều dùng 6-12g dưới dạng thuốc sắc.
* Đan sâm được dùng chữa bệnh tim, tâm hư phiền nhiệt, hồi hộp khó chịu, kinh nguyệt không đều, bế kinh, bụng dưới kết hòn cục, phong thấp các khớp sưng đau, thần kinh suy nhược, nhức đầu, mất ngủ, chấn thương sai khớp, mụn độc, ghẻ lở. Còn dùng chữa vàng da, chảy máu tử cung, kinh nguyệt nhiều ít đều có tác dụng, vừa có tác dụng an thai, vừa cho ra thai chết, chữa mẩn ngứa. Ngày dùng 8-15g dạng thuốc sắc. Còn dùng chế thuốc xoa bóp.
* Trong y học cổ truyền Trung Quốc, đan sâm là thuốc tăng cường tuần hoàn máu, làm hết ứ máu, chữa rối loạn kinh nguyệt, vô kinh, đau kinh, đau nhói ở ngực và bụng, viêm đau khớp cấp, nhiễm khuẩn da, bồn chồn, mất ngủ, chứng to gan lách, đau thắt ngực.

**Cách dùng, liều lượng:**Ngày 6 – 12g, dạng thuốc sắc.

**Chỉ định và phối hợp:**

* Huyết ứ bên trong biểu hiện kinh nguyệt không đều, mất kinh, đau bụng hoặc đau bụng sau đẻ. Ðan sâm phối hợp với ích mẫu, Ðào nhân, Hồng hoa và Ðương qui.
* Khí huyết ứ trệ biểu hiện đau vùng tim, đau bụng hoặc đau vùng thượng vị. Ðan sâm phối hợp với Sa nhân và Ðàn hương trong bài Ðan sâm ẩm.
* Huyết ứ biểu hiện đau mỏi toàn thân hoặc đau khớp. Ðan sâm phối hợp với Ðương qui, Xuyên khung và Hồng hoa.
* Mụn nhọt và sưng nề. Ðan sâm phối hợp với Kim ngân hoa, Liên kiều và Nhũ hương.
* Bệnh có sốt do phong tà xâm nhập dinh phận biểu hiện sốt cao, bứt rứt, dát sần, chất lưỡi đỏ hoặc đỏ thẫm, rêu lưỡi ít. Ðan sâm phối hợp với Sinh địa hoàng, Huyền sâm và Trúc diệp.
* Dinh huyết bất túc kèm theo nội nhiệt biểu hiện hồi hộp đánh trống ngực, bứt rứt và Mất ngủ. Ðan sâm phối hợp với Toan táo nhân và Dạ giao đằng.

**Kiêng kỵ:** Không dùng chung với Lê Lô

**MINH CHỨNG KHOA HỌC**

**1. Giãn mạch, hoạt huyết, cải thiện lưu lượng tuần hoàn**

Theo nghiên cứu của các nhà khoa học tại Đại học Hoshi, Tokyo, Nhật Bản, hoạt chất Tanshinone IIA có tác dụng làm giãn các tiểu động mạch và mao mạch, do đó giúp cải thiện lưu lượng tuần hoàn và giảm tình trạng ứ huyết.

Nhờ tác dụng này, Đan sâm giúp giảm nhanh các triệu chứng ho, phù, khó thở, mệt mỏi, đau thắt ngực do bệnh tim mạch, đặc biệt là suy tim.

**2. Ngăn ngừa xơ vữa mạch, chống oxy hóa, chống viêm**

Nhiều nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đã chứng minh rằng Tanshinone IIA ngăn ngừa xơ vữa cũng như tổn thương tim và cơ tim phì đại. Trong xơ vữa động mạch, Tanshinone IIA ức chế quá trình oxy hóa LDL, monocyte bám dính vào nội mô, sự di trú và phát triển tế bào cơ trơn, sự tích tụ cholesterol đại thực bào, biểu hiện cytokine tiền viêm và kết tập tiểu cầu, do đó giúp ngăn ngừa và ổn định các mảng xơ vữa động mạch. Các tác dụng bảo vệ tim mạch của Tanshinone IIA chủ yếu liên quan đến tác dụng chống oxy hóa và chống viêm. Khi tiêm dẫn chất tanshinon II natri sulfonat vào động mạch vành sẽ làm giảm nhồi máu cơ tim cấp tính, kích thước vùng thiếu máu mất đi hoặc giảm đáng kể.

**3. Tiêu huyết khối (cục máu đông)**

Nghiên cứu tại bệnh viện Đại học y Ôn Châu, Trung Quốc cho thấy, Đan Sâm có thể sử dụng để điều trị chống đông máu với cơ chế làm phân hủy fibrin & chống tập kết tiểu cầu. So với Heparin (thuốc chống đông máu), Đan Sâm có lợi thế an toàn với ít biến chứng chảy máu hơn. Trong nghiên cứu này, tỷ lệ chảy máu là 30% trong nhóm Heparin và 0% trong nhóm Đan Sâm.

**4. Chống rối loạn nhịp tim**

Các nhà khoa học cho thấy dẫn chất tanshinone II natri sulfonat có trong Đan sâm có tác dụng điều chỉnh hoạt động của các kênh ion, cải thiện tình trạng quá tải ion canxi nội bào, nhờ đó giúp ổn định điện thế của màng tế bào, làm giảm hoặc ngăn chặn các rối loạn nhịp tim. Với tác dụng đa chiều trên toàn hệ thống tim mạch, hiện nay Đan sâm đã được ứng dụng và bào chế dưới rất nhiều loại chế phẩm khác nhau để bảo vệ trái tim – cơ quan đích mà các bệnh tim mạch nhắm tới, giúp làm chậm tiến triển của bệnh tim và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người bệnh.

**ĐƠN THUỐC CÓ ĐAN SÂM**

Đan sâm được sử dụng rộng rãi và có hiệu quả trong điều kiện trị chứng huyết ứ ( máu cục, bầm tím, ban ứ huyết, huyết tụ, máu lưu thông chậm.)

**Chữa suy nhược cơ thể, thiếu máu, phụ nữ sau đẻ mất máu**: *Đan sâm 8g; huyền sâm, địa hoàng, mỗi vị 12g, thiên môn, mạch môn, mỗi vị 10g; phục linh, viễn chí, đương quy, bá tử nhàn, toan táo nhân, mỗi vị 8g; ngũ vị tử, cát cánh, mỗi vị 6g; chu sa 0,6g. Uống thuốc sắc (chu sa gói riêng, uống cùng với thuốc đã sắc), ngày một thang. Hoặc tán bột làm viên, mỗi ngày uống 20g.*

**Bài thuốc bổ** (Tư can bổ thận): *Đan sâm 400g, đương quy 2000g, hoài sơn, ngọc trúc, hà thủ ô đỏ, mỗi vị 400g, đơn bì, bạch linh, mạch môn, trạch tả, mỗi vị 200g, thanh bì, chỉ thực, thù nhục, mỗi vị 200g. Các vị thuốc tán nhỏ,dùng mật ong hoặc siro luyện thành viên hoàn nặng 5g, ngày uống 4-6 viên.*

**Chữa viêm khớp cấp:** *Đan sâm 12g, hy thiêm thảo, ké đầu ngựa, thổ phục linh, kim ngân, mỗi vị 20g, kê huyết đằng, tỳ giải, mỗi vị 16g, ý dĩ, cam thảo nam, mỗi vị 12g. Sắc uống ngày 1 thang.*

**Trị bệnh phụ khoa, điều hòa kinh nguyệt:**Đan sâm tán: *1) Đan sâm 20 – 40g, tán bột mịn mỗi lần 6 – 8g, chia 2 lần uống trong ngày có tác dụng điều kinh hoặc sau sinh sản dịch không ra hết. Uống với rượu nóng hoặc hòa với đường mía uống càng tốt.* ***2)*** *Đan sâm 15g, Trạch lan 12g, Hương phụ 8g, sắc uống. Hoặc dùng Đan sâm, Đương qui đều 15g, Tiểu hồi 8g, sắc uống tác dụng như bài Đan sâm tán.* ***3)*** *Đan sâm phối hợp với Hồng hoa, Đào nhân, Ích mẫu thảo trị đau bụng kinh*

**Trị đau bụng do nguyên nhân khác nhau: *1)*** *Đan sâm ẩm (Thời phương ca quát): Đan sâm 40g, Đàn hương, Sa nhân đều 6g, sắc uống trị đau vùng thượng vị do huyết ứ khí trệ.* ***2)*** *Đan sâm 12 – 20g, Xích thược 8 -12g, Nhũ hương, Một dược, Sa nhân đều 6 -10g, trị cơn đau nhiều gia thêm Diên hồ sách, huyết áp không ổn gia thêm Nhân sâm*

**Trị viêm gan cấp:** *Dùng dịch chiết Đan sâm nhỏ giọt tĩnh mạch trị 104 ca viêm gan cấp, tỷ lệ khỏi 81,7%, tổng số có kết qua đạt 98%. Trên lâm sàng và thực nghiệm, các tác giả đều phát hiện Đan sâm có tác dụng làm gan nhỏ lại, cải thiện tuần hoàn, điều tiết tổ chức hồi phục, giải độc kháng virut ( Báo cáo của Kiều Phúc Lương, Thiểm tây Trung y 1980, 6:15).*

**Trị suy thận mạn:** *Dùng dịch chế Đan sâm( thuốc sống 3g/2ml) mỗi lần 16 – 20ml gia vào dịch gluco 5% – 500ml nhỏ giọt tĩnh mạch, mỗi ngày 1 lần 14 ngày liền. Trị 48 ca, đối với suy thận nhẹ kết quả 80% suy thận vừa 62,5%, suy thận nặng 65,5% ( Trương kinh Nhân, Báo cáo 48 ca suy thận trị bằng Đan sâm, Thượng hải Trung y dược tạp chí 1981,1:17).*

**Trị sốt xuất huyết:***Dịch Đan sâm uống mỗi lần 2ml ngày 2 lần ( tương đương thuốc sống 80g).*

**Trị ho gà biến chứng não:** *Chích tĩnh mạch dịch Đan sâm, mỗi ống 2ml có 2g Đan sâm, ngày chích 1 – 2 ống. Dùng trị 28 ca hết co giật ngay trong ngày đầu, 10 ca cơn ho giảm nửa, 5 ca ho giảm, có 7 ca không kết quả ( Tiết nguyên Khôi, báo cáo trị 28 ca ho gà biến chứng não bằng dịch Đan sâm, báo Y dược Giang tây 1978,1:30).*

**Trị bệnh mạch vành:** *Dùng Đan sâm thư tâm phiến ( ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 viên tương đương thuốc sống 60g) trị bệnh mạch vành 323 ca, tỷ lệ triệu chứng lâm sàng cải thiện 80,9%, điện tâm đồ cải thiện 57,3%, trong đó thiếu máu mạch vành được cải thiện tốt hơn nhồi máu cơ tim, đối với một số bệnh nhân thuốc có tác dụng hạ cholesterol ( theo sách Bệnh tim mạch, xuất bản 1974)*

**Trị xơ cứng bì:***Tần vạn Chương dùng dịch Đan sâm nhỏ giọt tĩnh mạch trị 16 ca xơ cứng bì, kết quả tốt 37,6%, khá 31,2%, tỷ lệ có kết quả là 68,8% thời gian điều trị trung bình là 43,3 ngày ( Tạp chí Tân y dược học).*

**Chữa viêm khớp cấp kèm theo tổn thương ở tim**: **1)** *Đan sâm 12g; kim ngân hoa, ké đầu ngựa, thổ phục linh, đảng sâm, ý dĩ, mỗi vị 20g; bạch truật, kê huyết đằng, tỳ giải, mỗi vị 16g. Sắc uống ngày một thang.* ***2)*** Đan sâm, kim ngân hoa, mỗi vị 20g, đảng sâm, hoàng kỳ, bạch truật, mỗi vị 16g; đương quy, long nhãn, liên kiều, hoàng cầm, hoàng bá, mỗi vị 12g; táo nhân, phục linh, mỗi vị 8g; mộc hương, viễn chí, mỗi vị 6g. Sắc uống ngày một thang.

**Khi có loạn nhịp:** *đan sâm 16g, sinh địa, kim ngân, mỗi vị 20g; đảng sâm 16g, chích cam thảo, a giao, mạch môn, hạt vừng, đại táo, liên kiều, mỗi vị 12g; quế chi 6g, gừng sống 4g. Sắc uống ngày một thang.*

**Chữa đau tức ở ngực, đau nhói vùng tim: 1)** *Đan sâm 32g, xuyên khung, trầm hương, uất kim, mỗi vị 20g; hồng hoa 16g, xích thược, hương phụ chế, hẹ, qua lâu, mỗi vị 12g; đương quy vĩ 10g. Sắc uống ngày một thang.* ***2)*** Đan sâm 32g, xích thược, xuyên khung, hoàng kỳ, hồng hoa, uất kim, mỗi vị 20g; đảng sâm, toàn đương quy, trầm hương, mỗi vị 16g; mạch môn, hương phụ, mỗi vị 12g. Sắc uống ngày một thang.

**Chữa thấp khớp mạn thể nhiệt, sốt, sưng đỏ đau:** *Đan sâm, cốt toái bổ, thạch cao, kê huyết đằng, địa hoàng, rau má, uy linh tiên, hy thiêm, khương hoạt, độc hoạt, thiên hoa phấn, thổ phục linh, mỗi vị 12g, bạch chỉ nam 8g, cam thảo 4g. Sắc uống ngày một thang.*

**Chữa thấp khớp mạn thể hàn, đau nhức các khớp:** *Đan sâm 12g, đảng sâm 20g, hoài sơn 16g; u chát chìu, kê huyết đằng, thục địa, xích thược, thổ phục linh, thiên niên kiện, độc hoạt, khương hoạt, tang ký sinh, đỗ trọng, mỗi vị 12g; ngưu tất 10g, nhục quê 8g. Sắc uống.*

**Chữa suy tim:** *Đan sâm 16g, đảng sâm 20g, bạch truật, ý dĩ, xuyên khung, ngưu tất, trạch tả, mã đề, mộc thông, mỗi vị 16g. Sắc uống ngày một thang.*

**Chữa suy tim thể tâm dương hư:** Đan sâm 16g, ngưu tất 16g, ý dĩ 16g, phụ tử chế 12g, bạch truật 12g, trạch tả 12g, can khương 6g, nhục quế 4g. Sắc uống.

**Trị suy tim thể âm dương khí huyết đều hư:** *Đan sâm 16g, long cốt 16g, hoàng kỳ 12g, phụ tử chế 12g, ngũ vị tử 12g, mạch môn 12g, đương quy 12g, trạch tả 12g, xa tiền 12g, nhân sâm 8g, hồng hoa 8g, đào nhân 6g. Sắc uống.*

**Chữa tim hồi hộp, chóng mặt, nhức đầu, hoa mắt, ù tai:** *Đan sâm 12g, sa sâm 12g, thiên môn 12g, mạch môn 12g, thục địa 12g, long nhãn 12g, đảng sâm 12g, toan táo nhân 8g, bá tử nhân 8g, viễn chí 8g, ngũ vị tử 6g. Sắc uống.*

**Chữa viêm gan mạn tính, sưng gan, đau vùng gan:** *Đan sâm 20g, nọc sởi 20g. Sắc uống thay nước uống trong ngày.*

**Chữa thần kinh suy nhược, nhức đầu, mất ngủ: 1)** *Đan sâm, bạch thược, đại táo, hạt muồng sao, mạch môn, ngưu tất, huyền sâm, mỗi vị 16g; dành dành, toan táo nhân, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.* ***2)*** *Đan sâm, liên tâm, táo nhân sao, quả trắc bá, mỗi vị 8g, viễn chí 4g. Sắc uống ngày một thang.*

**Chữa xơ gan giai đoạn đầu:** *Đan sâm 16g, nhân trần 20g, ý dĩ 16g, bạch truật 12g; bạch linh, bạch thược, sài hồ, hoàng kỳ, mỗi vị 10g; ngũ gia bì, chi tử, mỗi vị 8g; gừng, đại phúc bì, cam thảo, đại táo, mỗi vị 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.*

**Chữa động kinh (Hà sa hoàn thang):** *Đan sâm 8g; đảng sâm, bạch truật, kỷ tử, hà thủ ô, mỗi vị 12g; bột rau thai nhi, phục linh, viên chí, mỗi vị 8g; trần bì, cam thảo, mỗi vị 6g. Làm thành viên hoặc sắc uống.*

**Chữa di chứng viêm não Nhật Bản:** *Đan sâm 12g, quyết minh tử sao 16g; sinh địa, huyền sâm, mạch môn, đơn bì, ngưu tất, bạch thược, mỗi vị 12g; câu đằng, liên tâm, lá bọ mẩy, hoàng bá, mỗi vị 8g. Sắc uống.*

**Chữa đau dây thần kinh liên sườn:** *Đan sâm, bạch truật, bạch thược, bạch linh, uất kim, sài hồ, thanh bì, mỗi vị 8g; bạc hà, hương phụ, cam thảo, mỗi vị 6g; gừng 4g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.*

**Chữa đinh râu:** *Đan sâm 12g, kim ngân, bồ công anh, thạch cao, mỗi vị 40g, huyền sâm 20g, tạo giấc thích 16g, sinh địa 12g. Sắc uống.*

**Chữa chảy máu dưới da, chảy máu mũi, ỉa ra máu:** *Đan sâm 12g, mao can 40g, sinh địa, huyền sâm, kim ngân, mỗi vị 16g; xích thược, bạch thược, liên kiều, ích mẫu, đơn bì, mỗi vị 12g; hồng hoa 4g. Sắc uống.*

**Viêm tắc động mạch chi:** *Đan sâm, hoàng kỳ, mỗi vị 20g, đương quy vĩ 16g; xích thược, quế chi, bạch chỉ, nghệ, nhũ hương, một dược, hồng hoa, đào nhân, tô mộc, mỗi vị 12g. Sắc uống.*

**Thang tư âm hoạt huyết:** *Đan sâm 12g, sinh địa huyền sâm, quyết minh tử sao, ngưu tất, mỗi vị 16g; đơn bì, xích thược, mạch môn, huyết giác, mộc thông, mỗi vị 12g; hoàng cầm, chi tử, mỗi vị 10g; cam thảo dây 8g. Sắc uống.*

**Chữa kinh nguyệt mau và nhiều:** *Đan sâm 8g, ích mẫu 16g, sinh địa 12g, cỏ nhọ nồi tươi 20g, xuyên khung, ngưu tất, địa cốt bì, huyền sâm, mỗi vị 8g. Sắc uống.*

**Chữa kinh nguyệt không đều:** *Đan sâm, thục địa, hoài sơn, sài hồ, bạch thược, mỗi vị 12g; sơn thù, trạch tả, phục linh, đan bì, mỗi vị 8g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.*

**Chữa đau kinh, bế kinh:** *Đan sâm, đương quy, sinh địa, mỗi vị 10g; hương phụ, bạch thược, xuyên khung, mỗi vị 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.*

**Chữa mất kinh:** *Đan sâm 8g; hoàng kỳ, bạch truật, đảng sâm, mỗi vị 12g; đương quy, sài hồ, thăng ma, bạch thược, ngưu tất, mỗi vị 8g; trần bì 6g; cam thảo 4g. Sắc uống.*

**Chữa băng huyết, tích huyết tử cung:** *Đan sâm, đương quy, mỗi vị 16g; nhũ hương, một dược, bổ hoàng thán, ngũ linh chi, mỗi vị 12g. Sắc uống.*

**Chữa sốt xuất huyết:** *Đan sâm, đơn bì, xích thược, sinh địa, huyền sâm, mạch môn, hột muồng sao, ngưu tất, tri mẫu, hoàng bá, cỏ nhọ nồi, trắc bá sao, huyết dụ, mỗi vị 10 – 16g. Sắc uống ngày 1 thang.*

**Chữa u xơ tuyến vú:** *Đan sâm 16g, toàn quy, xích thược, lá quất, hồng hoa, huyền hồ, sài hồ, đào nhân, hương phụ chế, xuyên luyện tử, mỗi vị 12g. Sắc uống.*

**Chữa viêm tuyến vú:** *Đan sâm 12g, bồ công anh 100g, sài đất 40g, huyền sâm, mộc thông, xa tiền, thông thảo, mỗi vị 16g; xuyên khung 12g, tạo giác thích 8g. Sắc uống.*

**Chữa phong nhiệt ghẻ lở:** *Đan sâm 20g, thổ sâm 16g, sà sàng (hạt) 16g. Nấu nước để rửa khi còn nóng.*

*Nguồn: Tổng hợp từ Tracuuduoclieu.vn*